UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **CỘNG** **HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SỞ DU LỊCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 217/SDL-TTr *Thừa Thiên* *Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2017*

V/v báo cáo tình hình bảo vệ môi trường

Kính gửi: Giám đốc (Chủ) cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn.

Nhằm đánh giá những mặt làm được, các vấn đề còn tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 về “hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên môi trường. Sở Du lịch yêu cầu Giám đốc các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở trong thời gian vừa qua *(theo mẫu đính kèm).*

- Địa chỉ nhận Báo cáo bằng văn bản: Sở Du lịch Thừa Thiên Huế – 22 Tố Hữu – Tp Huế. Đồng thời gửi bản mềm Báo cáo theo địa chỉ thư điện tử: [tts.sdl@thuathienhue.gov.vn](mailto:tts.sdl@thuathienhue.gov.vn)

- Thời gian gửi Báo cáo: Trước ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Sở Du lịch yêu cầu Giám đốc (Chủ) cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn nghiêm túc thực hiện và đúng thời gian qui định.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Ban GĐ Sở;  - Lưu VT, TTr | **PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**  **(đã ký)**  **Lê Hữu Minh** |

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần trao đổi đề nghị liên hệ theo số điện thoại 0234.3501666 hoặc: 0906.456787 (đ/c Trí).

**Doanh nghiệp…..**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ**

**Tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT**

**1. Công tác đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường:**

+ Đối với cơ sở lưu trú từ 1 - 2 sao:

- Bản cam kết bảo vệ môi trường: Có Không

+ Đối với cơ sở lưu trú từ 3 – 5 sao:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường/Quan trắc định kỳ:

+ Đánh giá tác động môi trường: Có Không

+ Kế hoạch bảo vệ môi trường: Có Không

+ Quan trắc định kỳ:……..lần/năm

**2. Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Niêm yết theo**  **quy định** | | **Hình thức niêm yết** | |
| *Có* | *Không* | *Có bảng riêng* | *Lồng ghép với nội quy của cơ sở* |
|  |  |  |  |

**3. Công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thu gom, phân loại rác tại nguồn** | | **Tần suất**  **thu gom** | **Tỷ lệ thu gom và xử lý** | **Hợp đồng thu gom vận chuyển tới nơi xử lý** | **Tự xử lý** |
| *Có* | *Không* |
|  |  |  |  |  |  |

**4. Công tác thu gom và xử lý rác thải nguy hại**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thu gom, phân loại rác tại nguồn** | | **Tần suất**  **thu gom** | **Tỷ lệ thu gom và xử lý** | **Hợp đồng thu gom vận chuyển tới nơi xử lý** | **Tự xử lý** |
| *Có* | *Không* |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Công tác thu gom và xử lý nước thải**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt** | | **Tỷ lệ**  **thu gom** | **Xử lý**  **nước thải** | | **Nguồn tiếp nhận** | |
| *Có* | *Không* | *Tập trung* | *Tự xử lý* | *Tập trung* | *Xả thẳng ra tự nhiên* |
|  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đảm bảo kinh phi cho hoạt động bảo vệ môi trường**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đảm bảo kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường** | | **Kinh phí thực hiện trong một năm**  **(Báo cáo các năm từ 2014 tới 2017)** | | | |
| *Có* | *Không* | *Tổng số kinh phí*  *Năm 201…* | *Ngân sách nhà nước* | *Nguồn thu của đơn vị* | *Xã hội hóa* |
|  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** Kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm: chi đầu tư trang thiết bị, thông tin, tuyên truyền, trả lương cho nhân lực bảo vệ môi trường…

Thí dụ năm 2014 tổng kinh phí bảo vệ môi trường là 200 triệu đồng, trong đó có 100 triệu đồng từ nguồn ngân sách nhà nước, 50 triệu đồng từ nguồn thu của đơn vị, 50 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa. Tương tự, trình bày cho các năm tiếp theo.

**7. Đảm bảo nhân lực cho hoạt động bảo vệ môi trường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có bộ phận chuyên trách**  **bảo vệ môi trường** | | | **Bộ phận vệ sinh môi trường** | |
| *Có* | *Không* | *Nhân lực chuyên trách*  *(số người)* | *Có* | *Không* |
|  |  |  |  |  |

**8. Các giải thưởng có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường (nếu có):**

**9. Các hoạt động bảo vệ môi trường có liên quan khác tại cơ sở (nếu có).**